# PHỤ LỤC 7: RUBRICS

###### **Bảng A1.** Rubric 1 - Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Tham gia lớp học** | Đi học đẩy đủ số buổi theo yêu cầu | Vắng học  ~7% so với quy định  (1-2  tiết/30tiết) | Vắng học  ~14% so với quy định  (3-4 tiết) | Vắng học  ~20% so với quy định  (5-6 tiết) | Vắng học quá 20% số giờ theo quy định | 50% |
| **Vào lớp học đúng giờ** | Luôn đi học đúng giờ | Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút) | Vào lớp muộn 3-4 buổi | Vào lớp muộn 5-6 buổi | Vào lớp muộn >6 buổi | 20% |
| **Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo,…)** | Tích cực  tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu  (>=N) (N  được tính 100% hoạt động) | Thường xuyên gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N  hoạt động) | Có tham gia làm bài tập, thảo luận,  phát biểu (~50%N  hoạt động) | Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu  (~25%N  hoạt động) | Không tham gia các hoạt động trên lớp | 15% |
| **Thực hiện nhiệm vụ tự học (bài tập ở nhà,…)** | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài) * Nạp bài tập không đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập đúng hạn | * Làm được 50% bài tập   cá nhân (1 bài)   * Nạp bài tập không đúng hạn | Không nạp bài tập cá nhân trên hệ thống; lấy  bài của người khác nạp (*qua các câu hỏi của GV*) | 15% |

###### **Bảng A2.** Rubric 2- Tiêu chí đánh giá bài tập cá nhân

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Xác định vấn đề, nội dung bài tập cá nhân** | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (rất tốt) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (tốt) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (khá) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (trung bình) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (yếu) | 20% |
| **Triển khai nội dung bài tập cá nhân** | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (rất tốt)  - Phân tích, lập luận chặt chẽ, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp. | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (tốt)  - Phân tích, lập luận tốt, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (khá)  - Phân tích, lập luận khá, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp vừa phải. | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (trung bình)  - Phân tích, lập luận các nội dung, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập cá nhân (yếu)  - Phân tích, lập luận chưa chặt chẽ, không có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận. | 50% |
| **Kết luận** | Kết luận, khái quát vấn đề rất tốt, rõ ràng; | Kết luận, khái quát vấn đề tốt | Kết luận, khái quát vấn đề khá | - Kết luận, khái quát vấn đề trung bình  . | - Không kết luận, khái quát vấn đề hoặc chưa rõ ràng | 10% |
| **Hình thức bài tập cá nhân** | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục lô-gic, rõ ràng;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục tốt;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng yêu cầu tốt theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục khá;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu khá theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, không có các mục, tiểu mục;  - Bố cục tạm được;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng một phần yêu cầu theo mẫu. | - Không đúng mẫu quy định, không có mục, tiểu mục  - Bố cục thiếu lô-gic, lộn xộn;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng không đúng yêu cầu theo mẫu. | 20% |

###### **Bảng A3.** Rubric 3 – Tiêu chí đánh giá bài tập nhóm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |  |
| **Xác định vấn đề, nội dung bài tập nhóm** | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập nhóm  (rất tốt) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập nhóm  (tốt) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (khá) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (trung bình) | Xác định được vấn đề, nội dung bài tập cá nhân  (yếu) | 10% |
| **Triển khai nội dung bài tập nhóm** | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (rất tốt)  - Phân tích, lập luận chặt chẽ, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp. | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (tốt)  - Phân tích, lập luận tốt, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (khá)  - Phân tích, lập luận khá, có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận phù hợp vừa phải. | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (trung bình)  - Phân tích, lập luận các nội dung, có hình ảnh minh họa nhưng chưa phù hợp | - Trình bày, triển khai được các nội dung bài tập nhóm (yếu)  - Phân tích, lập luận chưa chặt chẽ, không có hình ảnh minh họa cho giải thích, lập luận. | 30% |
| **Kết luận** | Kết luận, khái quát vấn đề rất tốt, rõ ràng; | Kết luận, khái quát vấn đề tốt | Kết luận, khái quát vấn đề khá | Kết luận, khái quát vấn đề trung bình | Không kết luận, khái quát vấn đề hoặc chưa rõ ràng | 10% |
| **Hình thức bài tập nhóm** | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục lô-gic, rõ ràng;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục tốt;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng yêu cầu tốt theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, đầy đủ các mục, tiểu mục;  - Bố cục khá;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đúng yêu cầu khá theo mẫu. | - Đúng mẫu quy định, không có các mục, tiểu mục;  - Bố cục tạm được;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng đáp ứng một phần yêu cầu theo mẫu. | - Không đúng mẫu quy định, không có mục, tiểu mục  - Bố cục thiếu lô-gic, lộn xộn;  - Định dạng, căn lề, cách đoạn, giãn dòng không đúng yêu cầu theo mẫu. | 10% |
| **Tổ chức nhóm** | Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng, tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt  (sổ ghi chép) | Nhiệm vụ được phân công cụ thể cho từng thành viên, tương tác giữa các thành viên tốt (sổ ghi chép) | Mỗi thành viên được phân chia công việc nhưng không rõ ràng, chưa có sự tương tác giữa thành viên nhóm.  (sổ ghi chép) | Nhiệm vụ được phân chia không rõ ràng cho các thành viên trong nhóm (sổ ghi chép) | Không có hoạt động nhóm  (sổ ghi chép) | 10% |
| **Thảo luận nhóm** | - Thu thập và đưa ra nhiều tài liệu liên quan đến nội dung bài tập nhóm;  - Đưa ra những ý tưởng rõ ràng, liên quan đến nội dung bài tập | - Thu thập thông tin cơ bản về bài tập nhóm;  - Thỉnh thoảng đưa ra những ý tưởng liên quan đến nội dung bài tập nhóm. | - Chỉ thu thập thông tin khi có yêu cầu;  - Ít khi đưa ra ý tưởng liên quan đến nội dung bài tập nhóm. | Có đưa ra tưởng nhưng không rõ ràng và không liên quan đến yêu cầu của nhóm | Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm | 10% |
| **Hợp tác nhóm, họp nhóm** | - Các thành viên luôn lắng nghe, chia sẻ với nhau và ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm.  - Tổ chức họp nhóm ít nhất 3-4 lần | - Các thành viên lắng nghe, chia sẻ với nhau, ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm  - Tổ chức họp nhóm ít nhất 2-3 lần | - Các thành viên lắng nghe, nhưng ít chia sẻ với nhau, nhưng chưa ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm  - Tổ chức họp nhóm ít nhất 1-2 lần | - Các thành viên ít lắng nghe, ít chia sẻ với nhau, không ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm  - Tổ chức họp nhóm ít nhất 1 lần | - Các thành viên không lắng nghe, chia sẻ với nhau, không ủng hộ sự điều hành của trưởng nhóm  - Không tổ chức họp nhóm | 10% |
| **Trình bày và trả lời câu hỏi** | - Trình bày mạch lạc, nói to, rõ và tự tin; thuyết phục được người nghe và giao lưu người nghe;  - Trả lời rất tốt các câu hỏi | Trình bày mạch lạc, nói rõ và tự tin; thuyết phục được người nghe và giao lưu người nghe;  - Trả lời tốt các câu hỏi (khoảng 75%) | Trình bày khá mạch lạc, nhưng nói nhỏ, thiếu tự tin, thỉnh thoảng giao lưu với người nghe;  - Trả lời được một số câu hỏi (khaongr 50%) | Trình bày chưa mạch lạch, nói nhỏ, thiếu tự tin, ít giao lưu với người nghe;  - Trả lời câu hỏi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu  (khoảng 50%) | Trình bày lộn xộn, không rõ ràng, không tự tin; chỉ đọc, không giao lưu với người nghe;  - Không trả lời được câu hỏi | 10% |

###### **Bảng A4.** Rubric 4 – Tiêu chí đánh giá thực hành

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A (8.5-10)** | **B (7.0-8.4)** | **C (5.5-6.9)** | **D (4.0-5.4)** | **F (0-3.9)** |
| **Chuyên cần, thái độ** | - Tham gia đầy đủ tất cả các bài thực hành, không vắng.  - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không làm việc riêng | - Tham gia đẩy đủ các bài thực hành, vắng 1 buổi nhưng đã thực hành bù  - Nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, thỉnh thoảng làm việc riêng | - Tham gia đầy đủ các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng đã thực hành bù;  - Nghiêm túc tiến hành bài thí nghiệm nhưng không theo hướng dẫn của giảng viên, làm việc riêng | - Tham gia chưa đầy đủ tất cả các bài thực hành, vắng 1-2 buổi nhưng thực hành bù được 1 buổi  - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động thực hành theo hướng dẫn, làm việc riêng | - Tham gia không đầy đủ tất cả các bài thực hành, không thực hành bù  - Chưa nghiêm túc tiến hành các hoạt động theo hướng dẫn của giảng viên, không tham gia thực hành. | 20% |
| **Chuẩn bị bài thực hành** | Chuẩn bị tốt bài thực hành, trả lời được tất cả các câu hỏi giảng viên đưa ra | Chuẩn bị bài thực hành đầu đủ, trả lời được 75% câu hỏi giảng viên đưa ra | Có chuẩn bị bài thực hành, trả lời được 50% câu hỏi giảng viên đưa ra | Có chuẩn bị bài thực hành, nhưng chưa đầy đủ, chỉ trả lời được 25% câu hỏi giảng viên đưa ra | Không chuẩn bị bài thực hành, không trả lời được các câu hỏi của giảng viên | 30% |
| **Kỹ năng thực hành thí nghiệm** | - Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và thu được kết quả;  - Tổ chức hoạt động nhóm tốt, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên | - Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm thu được kết quả nhưng chưa chính xác;  - Tổ chức hoạt động nhóm, có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ cho các thành viên | - Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm nhưng kết quả không tốt;  - Tổ chức hoạt động nhóm chưa tốt, ít phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng | - Thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và nhưng không ra kết quả;  - Không tổ chức được nhóm hoặc nhóm không có sự phối hợp với nhau, phân công nhiệm vụ không rõ ràng | - Không thực hiện được các bước thực hành, thí nghiệm và không có kết quả;  - Không tổ chức được nhóm, thiếu sự hợp tác lẫn nhau, không có sự phân công nghiệm vụ cho các thành viên | 40% |
| **Kết quả thí nghiệm** | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng, rõ ràng; báo cáo kết quả đầy đủ, khoa học và chính xác | Kết quả thực hành, thí nghiệm đúng; báo cáo kết quả đầy đủ, nhưng chưa khoa học. | Kết quả thực hành, thí nghiệm không chính xác; báo kết quả chưa đầy đủ, chính xác. | Không có kết quả thực hành thí nghiệm, hoặc có nhưng không đúng; báo cáo không đầy đủ | Không có kết quả thực hành, thí nghiệm; không có báo cáo | 10% |

###### **Bảng A8**. Rubric 8- Tiêu chí đánh giá thuyết trình

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | | **Trọng số** |
| **A**  **(8.5-10)** | **B**  **(7.0-8.4)** | **C**  **(5.5-6.9)** | **D**  **(4.0-5.4)** | **F**  **(0-3.9)** |
| **Nội dung** | * Chủ đề   trình bày liên quan và có trọng tâm   * Nội dung phù hợp và chính xác | * Chủ đề   trình bày liên quan và có trọng tâm   * Nội dung có một số phần chưa chính xác | * Chủ đề   trình bày liên quan và có trọng tâm   * Nội dung có nhiều   phần chưa chính xác | * Chủ đề   trình bày không trọng tâm   * Nội dung có nhiều   phần chưa chính xác | * Chủ đề   trình bày không trọng tâm, không liên quan   * Nội dung có nhiều   phần chưa chính xác | 60% |
| **Trình bày** | - Slide được trình bày | - Slide trình bày rõ ràng | - Slide trình bày rõ ràng | - Slide trình bày phù hợp | - Slide  không đảm | 20% |
|  | với bố cục rõ ràng, hợp lý  - Trình bày các thuật  ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ dễ hiểu | - Trình bày các thuật  ngữ, hình  ảnh, bảng biểu, sơ đồ hợp lý | * Trình bày hình ảnh,   bảng biểu, sơ đồ hợp lý   * Dùng một số thuật ngữ khó hiểu,   đưa nhiều  nội dung vào slide | * Sử dụng một số hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ không liên quan * Dùng một số thuật ngữ khó hiểu,   đưa nhiều  nội dung vào slide | bảo chất lượng theo yêu cầu |  |
| **Trả lời câu hỏi** | * Biết phân tích và trả lời đầy đủ, ngắn gọn   liên quan trực tiếp đến câu hỏi   * Tự tin khi trả lời | * Trả lời ngắn gọn và phù hợp * Tự tin khi trả lời | * Câu trả lời tập trung vào câu hỏi * Hơi thiếu tự tin khi trả lời | * Câu trả lời không rõ ràng, ít liên quan đến câu hỏi * Thiếu tự tin khi trả lời | * Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi * Thiếu tự tin khi trả lời | 20% |